



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG
Khoa: Y DƯỢC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ DOANH NGHIỆP DƯỢC

Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành: **DƯỢC HỌC**
Mã số: **7720201**

Lần ban hành:
Ngày ban hành:
Số trang:

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Việt: KINH TẾ DOANH NGHIỆP DƯỢC	Tiếng Anh: Medicine management and supply						
- Mã số học phần: MMS1171							
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Khoa học Sức khỏe (Khối ngành VI)							
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <table><tr><td>☐ Kiến thức đại cương/chung</td><td>☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung</td></tr><tr><td>☐ Kiến thức cơ sở ngành</td><td>☐ Học phần dạy học dự án</td></tr><tr><td>☒ Kiến thức ngành</td><td>☐ Kiến thức khác</td></tr></table>		☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung	☐ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án	☒ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung						
☐ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án						
☒ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác						
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn							
- Số tín chỉ: 02 + Số tiết lý thuyết: 30 tiết + Số tiết thực hành/thảo luận: 0 + Số tiết thực tế ngoài trường: 0 + Số tiết tự học : 60 tiết.							

- Điều kiện tham gia học phần: Học phần tiên quyết: Không Học phần học trước: <i>(ghi tên HP nếu có)</i> Học phần song hành: <i>(ghi tên HP nếu có)</i>		Mã số HP: Mã số HP: <i>(ghi MSHP)</i> Mã số HP: <i>(ghi MSHP)</i>
- Yêu cầu của học phần <i>(giảng viên ghi cụ thể các yêu cầu)</i> Thời gian người học có mặt trên lớp tối thiểu: 80%. Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, ... Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.		
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Y Dược		

1.2. Các giảng viên phụ trách

- Giảng viên phụ trách chính: Ts. Vũ Thanh Bình
- Các giảng viên cùng giảng dạy: Ths. Trần Hải Ứng

2. Mô tả học phần *(vị trí, vai trò của học phần đối với CTĐT, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)*

Học phần "Kinh tế Doanh nghiệp Dược" giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Dược học, cung cấp kiến thức nền tảng và kỹ năng chuyên sâu về hoạt động kinh tế trong lĩnh vực dược phẩm. Đây là học phần bắt buộc, tập trung vào các khía cạnh quản lý kinh tế, tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh, quản lý cung ứng thuốc, và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan.

Học phần giúp sinh viên hiểu rõ các nguyên tắc kinh doanh trong lĩnh vực dược, rèn luyện khả năng tổ chức và điều hành doanh nghiệp dược phẩm, đồng thời phát triển phẩm chất đạo đức, trách nhiệm xã hội và năng lực chuyên môn, đáp ứng nhu cầu thực tiễn và sự phát triển của ngành. Mục đích trang bị kiến thức toàn diện về kinh tế doanh nghiệp dược và các quy định pháp luật liên quan. Phát triển kỹ năng phân tích, thực hành và quản lý kinh tế trong doanh nghiệp dược. Giáo dục tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và thái độ chuyên nghiệp. Nội dung chính Doanh nghiệp và luật doanh nghiệp: Khái niệm, loại hình công ty, và các quy định pháp luật. Phân tích hoạt động kinh doanh: Phân tích tài chính, marketing, chi phí và hiệu quả kinh doanh. Quản lý tài chính: Quy định về thuế, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Hợp đồng kinh tế: Đặc điểm, nội dung và các loại hợp đồng phổ biến. Quản lý cung ứng thuốc: Mô hình và quy trình quản lý hoạt động cung ứng thuốc.

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives – COs)

Bảng 1. Mục tiêu của học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CDR của CTĐT (PLOs)	Trình độ năng lực
CO1	Trang bị kiến thức về doanh nghiệp, luật doanh nghiệp, tài chính doanh nghiệp, thuế thu nhập, hợp đồng kinh tế, và quản lý cung ứng thuốc.	PLO ₅	3/6
CO2	Rèn luyện kỹ năng phân tích hoạt động kinh doanh, quản lý tài chính, thực hiện hợp đồng kinh tế và quản lý cung ứng thuốc.	PLO ₁₀	3/5
CO3	Giáo dục phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần học tập suốt đời và khả năng hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn	PLO _{11,12}	4/5

4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Bảng 2. Mô tả chuẩn đầu ra học phần KINH TẾ DOANH NGHIỆP DƯỢC đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT ngành Dược học

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP KINH TẾ DOANH NGHIỆP DƯỢC			CLOs HP KINH TẾ DOANH NGHIỆP DƯỢC				
Ký hiệu	Mô tả	Mức NL cần đạt (*)	Ký hiệu	Mô tả	Mức NL cần đạt (*)	Trọng số (%) **	Bài HP đảm nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP KINH TẾ DOANH NGHIỆP DƯỢC			CLOs HP KINH TẾ DOANH NGHIỆP DƯỢC				
PLO ₅ [1.2.3]	Vận dụng các quy định pháp luật và kiến thức chuyên ngành để tham gia nghiên cứu, quản lý, cung ứng thuốc theo đúng quy chế.	3/6	CLO ₁ [1.2.3.1]	Vận dụng kiến thức về luật doanh nghiệp, tài chính doanh nghiệp, hợp đồng kinh tế và quản lý cung ứng thuốc.	3/6		Chương 1,2,3,4,5
			CLO ₂ [1.2.3.2]	Phân tích và đánh giá hoạt động kinh doanh, tài chính, và quản lý cung ứng thuốc.	3/6		Chương 1,2,3,4,5
PLO ₁₀ [2.2.3]	Thành thạo kỹ năng thực hành nghiên cứu, quản lý và cung ứng thuốc, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật và quy chế chuyên ngành.	3/5	CLO ₃ [2.2.3.1]	Xác định và thực hiện các hành vi phù hợp trong phân tích kinh doanh và quản lý cung ứng thuốc.	3/5		Chương 1,2,3,4,5
			CLO ₄ [2.2.3.2]	Thực hành soạn thảo, ký kết hợp đồng kinh tế và quản lý cung ứng thuốc.	3/5		Chương 1,2,3,4,5
PLO ₁₁ [3.1.1]	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tư duy độc lập, lập trường vững vàng và khả năng tự học suốt đời, chủ động phát triển kiến thức, kỹ năng và năng lực chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu của ngành Dược và sự phát triển xã hội.	4/5	CLO ₅ [3.1.1.1]	Thể hiện phẩm chất đạo đức, ý thức học tập và phát triển chuyên môn theo đúng quy định pháp luật.	4/5		Chương 1,2,3,4,5

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP KINH TẾ DOANH NGHIỆP DƯỢC			CLOs HP KINH TẾ DOANH NGHIỆP DƯỢC				
PLO ₁₂ [3.2.1]	Thể hiện tinh thần trách nhiệm với xã hội và môi trường, tôn trọng quyền và lợi ích của đồng nghiệp, bệnh nhân; duy trì phong cách làm việc chuyên nghiệp và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong mọi hoạt động chuyên môn.	4/5	CLO ₆ [3.2.1.1]	Thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội, hợp tác trong công việc và bảo vệ quyền lợi của đồng nghiệp, người bệnh.	4/5		Chương 1,2,3,4,5

Bảng 3. Ma trận đóng góp của các bài cho việc đạt các CLOs HP KINH TẾ DOANH NGHIỆP DƯỢC

CLO	Kiến thức ngành		Kỹ năng nghề nghiệp		NL tự chủ	Tự chịu trách nhiệm
	CLO1 [1.2.1.1] – 3/6	CLO2 [1.2.1.2] – 3/6	CLO3 [2.2.1.1] – 3/5	CLO4 [2.2.1.2] – 3/5	CLO5 [3.1.1] – 4/5	CLO6 [3.2.1] – 4/5
Chương 1	3/6	3/6	3/5	3/6	4/5	4/5
Chương 2	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 3	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 4	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 5	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5

5. Đánh giá học phần (Các bài đánh giá, điểm năng lực và trọng số đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CLOs)

Bảng 4. Đánh giá học phần

Bài đánh giá	CLOs được đánh giá	Điểm NL cần đạt	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A1. Đánh giá quá trình			50		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20		
Sự chuyên cần	CLO5	4/5	5	Điểm danh	Thường xuyên
	CLO6	4/5	5		
Thái độ học tập	CLO5	4/5	5	Tham gia phát biểu, thảo luận	Thường xuyên
	CLO6	4/5	5		
A1.2. Kiểm tra định kỳ			30		
Bài kiểm tra	CLO1	3/6	8	Tự luận/Trắc nghiệm/TL và TN	Cuối Chương 5
	CLO2	3/6	8		
	CLO3	4/5	7		
	CLO4	4/5	7		
A2. Đánh giá cuối kì (thi kết thúc học phần)			50		
Bài thi hết học phần	CLO1	3/6	12,5	Tự luận/Trắc nghiệm/TL và TN	Theo lịch thi của P.QLĐT
	CLO2	3/6	12,5		
	CLO3	4/5	12,5		
	CLO4	4/5	12,5		

Bảng 5. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CDR học phần

CLO Bài ĐG	1.2. Kiến thức ngành		2.2. Kỹ năng nghề nghiệp		3.1. NL tự chủ	3.2. Tự chịu trách nhiệm
	CLO1 [1.2.1.1] – 3/6	CLO2 [1.2.1.2] – 3/6	CLO3 [2.2.1.1] – 3/5	CLO4 [2.2.1.2] – 3/5	CLO5 [3.1] – 4/5	CLO6 [3.2] – 4/5
A1.1 (20%)					x	x

A1.2 (30%)	x	x	x	x		
A2 (50%)	x	x	x	x		

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

Bảng 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chương 1. Doanh nghiệp và Luật doanh nghiệp, Tài chính doanh nghiệp 1. Khái niệm về Doanh nghiệp 2. Nội dung cơ bản của Luật Doanh nghiệp 3. Một số loại hình Công ty 4. Tài chính doanh nghiệp 4.1 Khái niệm tài chính doanh nghiệp là gì? 4.2. Nội dung của tài chính doanh nghiệp 4.3. Vai trò của tài chính doanh nghiệp	04	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
2	Chương 2. Phân tích hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp 1. Hoạt động kinh doanh được là gì? 2. Khái niệm và phân loại cơ sở kinh doanh được 3. Tổ chức sản xuất dịch vụ 4. Hệ thống bán hàng -Marketing 5. Hạch toán kinh tế doanh nghiệp được 6. Phân tích tài chính doanh nghiệp được 7. Phân loại chi phí và các phương pháp phân tích chi phí	08	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
3	Chương 3. Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp 1. Thuế thu nhập doanh nghiệp là gì? 2. Cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp <i>2.1 Cách xác định thu nhập tính thuế</i> <i>2.2 Cách xác định thuế suất thuế TNDN</i> 3. Các loại thu nhập được miễn thuế 4. Hướng dẫn quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp <i>4.1 Thời gian quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 là khi nào?</i> <i>4.2 Thủ tục quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	04	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
4	Chương 4. Quy định về Hợp đồng kinh tế 1. Hợp đồng kinh tế là gì? 2. Đặc điểm và quy định của hợp đồng kinh tế 3. Nội dung hợp đồng kinh tế 4. Các loại hợp đồng kinh tế 4.1 Hợp đồng mua bán hàng hóa 4.2 Hợp đồng hợp tác kinh doanh 4.3 Hợp đồng xây dựng 4.4 Hợp đồng vận chuyển 4.5 Hợp đồng dịch vụ 4.6 Hợp đồng chuyển giao công nghệ	08	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
5	Chương 5. Quản lý cung ứng thuốc 1. Một số khái niệm cơ bản về quản lý 1.1. Khái niệm	06	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình,	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu,	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i>

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
	1.2. Đặc điểm của quản lý 1.3. Tính chất của quản lý 1.4. Phương pháp nghiên cứu quản lý 1.5. Các kỹ năng của người quản lý 1.6. Quản lý kinh tế 1.7. Các qui luật quản lý 1.8. Các nguyên tắc quản lý 1.9. Các phương pháp quản lý 2. Quản lý cung ứng thuốc 2.1. Mô hình hoạt động cung ứng thuốc 2.2. Mô hình kế hoạch cung ứng thuốc 2.2. Nội dung hoạt động thực hiện kế hoạch cung ứng thuốc			phát vấn	xây dựng bài	A2

7. Học liệu

Bảng 7. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Sách, giáo trình			
1	Nguyễn Thanh Bình	2019	Kinh tế dược	Nhà xuất bản Y học
2	Nguyễn Thanh Bình	2023	Kinh tế dược	Nhà xuất bản Y học

Bảng 8. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
----	--------------------	----------------	---------------

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Sách KTDN Được	https://www.studocu.vn/vn/document/truong-dai-hoc-nguyen-tat-thanh/kinh-te-doanh-nghiep/sach-ktdn-duoc-dh-ntt-kinh-te-doanh-nghiep-ntt/73432753	17/7/2024

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung bài học/chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường nhà C	- Máy tính, máy chiếu, phần mềm đào tạo trực tuyến (LMS) phần mềm họp trực tuyến Zoom, Microsoft Team.... - Mạng internet, wifi	01	Bài 1,2,3,4,5

9. Các rubrics đánh giá kết quả học tập

- Rubric đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học 1 không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

- Rubric đánh giá kiểm tra/thi bằng hình thức tự luận

Đánh giá kiểm tra viết (*Written Exam*): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

10. Thi kết thúc học phần

➤ Cấu trúc đề thi kết thúc học phần:

- **Số câu hỏi trong 1 đề:** 04 câu (2,5 điểm x 4); Mỗi câu đánh giá 1 CLO: 1 CLO₁, 1 CLO₂, 1 CLO₃, 1 CLO₄

- **Thời gian làm bài:** 60 phút - Sinh viên được phép sử dụng tài liệu (*Đề mở*)

➤ Ma trận ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần :

CLOs Bài đánh giá A2 (Thi kết thúc HP)		Các CLOs được đánh giá			
		1	2	3	4
		[1.2.1.1] - 3/6	[1.2.1.2] - 3/6	[2.2.1.1] - 3/5	[2.2.1.2] - 3/5
		Kiến thức cơ sở ngành		Kỹ năng nghề nghiệp	
Chương 1	Số câu: 06	1	2	2	1
Chương 2	Số câu: 06	2	1	1	2
Chương 3	Số câu: 06	1	2	2	1
Chương 4	Số câu: 06	2	1	1	2
Chương 5	Số câu: 06	1	2	2	1
Tổng	30	7/30	8/30	8/30	7/30

➤ Các phương án tổ hợp câu hỏi thi để làm ĐỀ THI kết thúc học phần bằng hình thức tự luận :

- Phương án tổ hợp câu hỏi trong 1 đề thi: có 4 câu (*1 CLO1, 1 CLO2, 1 CLO3, 1 CLO4*) không cùng trong 1 chương.

- Đề thi kết thúc học phần có 4 đề (*Các câu hỏi không lặp lại*)

Câu hỏi thi	Chương	Số lượng câu	Điểm	CLOs đánh giá - Mức NL	Số lượng câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi thi
Câu 1	Chương 1,2,3,4,5	1	2,5	CLO1- 3/6	7
Câu 2	Chương 1,2,3,4,5	1	2,5	CLO2 - 3/6	8
Câu 3	Chương 1,2,3,4,5	1	2,5	CLO3 - 3/5	8
Câu 4	Chương 1,2,3,4,5	1	2,5	CLO4 - 3/5	7
Cộng		4	10		30

Trưởng khoa

(Đã ký)

GS.TSKH Phùng Đắc Cam

Giảng viên

(Đã ký)

Ts. Vũ Thanh Bình